
QUY TẮC ĐẠO ĐỨC VÀ ỨNG XỬ NGHỀ NGHIỆP LUẬT SƯ
(SỬA ĐỔI)

DỰ THẢO 3

(Ngày 22/3/2019)

LỜI NÓI ĐẦU

Nghề luật sư ở Việt Nam là một nghề cao quý, bởi hoạt động nghề nghiệp của luật sư nhằm mục đích góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; góp phần phát triển kinh tế, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp là nền tảng cơ bản của nghề luật sư. Luật sư phải có bản phận tự mình nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn; nêu gương trong việc tôn trọng, chấp hành pháp luật; tự giác tuân thủ các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp trong hoạt động hành nghề, trong lối sống và giao tiếp xã hội.

Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư quy định những chuẩn mực về đạo đức và ứng xử nghề nghiệp, là thước đo phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư. Mỗi luật sư phải lấy Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp này làm khuôn mẫu cho sự ứng xử và tu dưỡng, rèn luyện để giữ gìn uy tín nghề nghiệp, thanh danh của luật sư, xứng đáng với sự tôn vinh của xã hội.

CHƯƠNG I

QUY TẮC CHUNG

Quy tắc 1. Sứ mệnh của luật sư

Luật sư có sứ mệnh bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, bảo vệ sự độc lập của tư pháp, góp phần bảo vệ công lý, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quy tắc 2. Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan

Luật sư phải độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan, không vì lợi ích vật chất, tình thân hoặc bất kỳ áp lực nào khác để làm trái pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

Quy tắc 3. Giữ gìn danh dự, uy tín và phát huy truyền thống của luật sư

3.1. Luật sư coi trọng, bảo vệ danh dự, uy tín của đội ngũ luật sư như bảo vệ danh dự, uy tín của chính mình; xây dựng, củng cố, duy trì niềm tin của khách hàng, cộng đồng xã hội với luật sư và nghề luật sư.

3.2. Luật sư có nghĩa vụ phát huy truyền thống tốt đẹp của nghề luật sư, thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, giữ gìn phẩm chất, nhân cách và uy tín nghề nghiệp; có thái độ ứng xử đúng mực, có văn hóa trong hành nghề và lối sống, xứng đáng với sự tin cậy, tôn trọng của xã hội đối với luật sư và nghề luật sư.

Quy tắc 4. Tham gia hoạt động cộng đồng

4.1. Luật sư luôn sẵn sàng và tích cực tham gia vào những hoạt động vì lợi ích chung của cộng đồng xã hội, phù hợp với nghề nghiệp của luật sư.

4.2. Thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí là nghĩa vụ và trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư. Luật sư có nghĩa vụ thực hiện trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam bằng sự tận tâm, vô tư và trách nhiệm nghề nghiệp như đối với các vụ việc có nhận thù lao.

CHƯƠNG II. QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG

Mục 1. Quy tắc chung

Quy tắc 5. Bảo vệ tốt nhất lợi ích hợp pháp của khách hàng

Luật sư có nghĩa vụ tận tâm với công việc, phát huy năng lực, sử dụng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng theo quy định của pháp luật, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư.

Quy tắc 6. Tôn trọng khách hàng

Luật sư thực hiện việc cung cấp dịch vụ pháp lý trên cơ sở yêu cầu của khách hàng, tôn trọng lợi ích hợp pháp và *sự lựa chọn luật sư* của khách hàng.

Quy tắc 7. Giữ bí mật thông tin của khách hàng

7.1. Luật sư có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin của khách hàng khi thực hiện dịch vụ pháp lý và sau khi đã kết thúc dịch vụ đó, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc theo quy định của pháp luật.

7.2. Luật sư có trách nhiệm yêu cầu các đồng nghiệp có liên quan và nhân viên trong tổ chức hành nghề của mình cam kết không tiết lộ những bí mật

thông tin mà họ biết được và luật sư có trách nhiệm giải thích rõ nếu tiết lộ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quy tắc 8. Thù lao luật sư

Luật sư phải đưa ra mức tiền thù lao tùy thuộc vào mức độ phức tạp, thời gian, công sức thực hiện vụ việc và những tình tiết khác có liên quan; trao đổi với khách hàng về căn cứ tính thù lao, phương thức thanh toán thù lao và ghi rõ mức thù lao trong hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Quy tắc 9. Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với khách hàng

9.1. Chủ động xúi giục, kích động khách hàng kiện tụng hoặc thực hiện những hành vi khác trái pháp luật.

9.2. Sử dụng tiền bạc, tài sản của khách hàng mà luật sư được giao, ủy quyền quản lý trong khi thực hiện vụ việc của khách hàng vào mục đích riêng của cá nhân luật sư.

9.3. Gợi ý hoặc đặt điều kiện để khách hàng tặng cho tài sản của khách hàng cho luật sư hoặc những người thân thích của luật sư.

9.4. Nhận tiền hoặc bất kỳ lợi ích vật chất nào khác từ người thứ ba để thực hiện hoặc không thực hiện vụ việc gây thiệt hại đến lợi ích của khách hàng.

9.5. Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, h, k khoản 1 Điều 9 Luật Luật sư.

9.6. Tạo ra các tình huống xấu, những thông tin sai sự thật, không đầy đủ hoặc bất lợi cho khách hàng, lợi dụng sự thiếu hiểu biết của khách hàng để gây áp lực nhằm tăng mức thù lao đã thỏa thuận hoặc có được lợi ích bất chính khác từ khách hàng.

9.7. Hướng dẫn khách hàng khai man, tạo thông tin, tài liệu, chứng cứ sai sự thật để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc, cơ quan tiến hành tố tụng hoặc thực hiện những hành vi khác với mục đích lừa dối cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiến hành tố tụng.

9.8. Thuê người môi giới khách hàng để giành vụ việc cho mình.

9.9. Sử dụng thông tin biết được từ vụ việc mà luật sư đảm nhận để mưu cầu lợi ích cá nhân.

9.10. Thông tin trực tiếp cho khách hàng hoặc dùng lời lẽ ám chỉ để khách hàng biết về mối quan hệ cá nhân của mình với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc cán bộ, công chức có thẩm quyền khác, nhằm mục đích gây niềm tin với khách hàng về hiệu quả công việc như là một tiêu chí để khuyến khích khách hàng lựa chọn luật sư.

9.11. Cố ý làm cho khách hàng nhầm lẫn về khả năng và trình độ chuyên môn của mình; đưa ra những lời hứa hẹn tốt đẹp để khách hàng tin tưởng về một kết quả có lợi của vụ việc.

9.12. Cam kết bảo đảm kết quả vụ việc.

9.13. Lợi dụng nghề nghiệp để quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với khách hàng làm ảnh hưởng tới danh dự luật sư và nghề luật sư.

9.14. Từ chối vụ việc đã đảm nhận theo yêu cầu của tổ chức trợ giúp pháp lý, của các cơ quan tiến hành tố tụng, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư, trường hợp bất khả kháng hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

Mục 2. Nhận vụ việc

Quy tắc 10. Nguyên tắc nhận vụ việc của khách hàng

10.1. Khi được khách hàng yêu cầu tiếp nhận vụ việc, luật sư cần nhanh chóng trả lời cho khách hàng biết về việc có tiếp nhận vụ việc hay không.

10.2. Luật sư không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, tuổi tác, khuyết tật, tình trạng tài sản khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng.

10.3. Luật sư chỉ nhận vụ việc theo khả năng, điều kiện của mình và thực hiện vụ việc trong phạm vi yêu cầu hợp pháp của khách hàng.

10.4. Luật sư có nghĩa vụ giải thích cho khách hàng biết về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ trong quan hệ với luật sư; về tính hợp pháp trong yêu cầu của khách hàng; những khó khăn, thuận lợi có thể lường trước được trong việc thực hiện dịch vụ pháp lý; quyền khiếu nại và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng đối với luật sư.

Quy tắc 11. Những trường hợp luật sư phải từ chối khi tiếp nhận vụ việc của khách hàng

11.1. Khách hàng thông qua người khác yêu cầu luật sư mà người này có biểu hiện lợi dụng tư cách đại diện cho khách hàng để mưu cầu lợi ích cá nhân làm ảnh hưởng đến uy tín của luật sư và quyền lợi hợp pháp của khách hàng.

11.2. Khách hàng yêu cầu dịch vụ pháp lý của luật sư với ý định lợi dụng dịch vụ đó cho mục đích khác hoặc khách hàng không tự nguyện mà bị phụ thuộc theo yêu cầu không chính đáng của người khác.

11.3. Có căn cứ rõ ràng xác định khách hàng đã cung cấp chứng cứ giả hoặc yêu cầu của khách hàng không có cơ sở, trái đạo đức, trái pháp luật.

Quy tắc 12. Hợp đồng dịch vụ pháp lý

Khi nhận vụ việc của khách hàng, luật sư phải **ký kết** hợp đồng dịch vụ pháp lý, trong đó xác định rõ yêu cầu của khách hàng, mức thù lao, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Mục 3. Thực hiện vụ việc

Quy tắc 13. Thực hiện vụ việc của khách hàng

13.1. Luật sư chủ động, tích cực giải quyết vụ việc của khách hàng và thông báo tiến trình giải quyết vụ việc để khách hàng biết.

13.2. Luật sư nhận và có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tài liệu, hồ sơ mà khách hàng giao cho mình; hoàn trả tài liệu, hồ sơ khi khách hàng yêu cầu hoặc khi đã giải quyết xong vụ việc và có thỏa thuận về việc trả lại, trừ trường hợp khách hàng chưa thanh toán hết thù lao, chi phí và việc giữ lại tài liệu, hồ sơ phù hợp với hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết.

13.3. Khi thực hiện vụ việc, luật sư phải **có thái độ** ứng xử phù hợp, tránh làm phát sinh tranh chấp với khách hàng.

Nếu có bất đồng giữa luật sư và khách hàng hoặc có khiếu nại của khách hàng, luật sư cần có thái độ đúng mực, tôn trọng khách hàng, chủ động thương lượng, hòa giải với khách hàng.

13.4. Khi luật sư đang thực hiện vụ việc, nếu khách hàng có ý định nhờ luật sư hoặc tổ chức hành nghề luật sư khác thì luật sư có thể trao đổi **lại với** khách hàng nhưng không được ngăn cản.

13.5. Trong trường hợp đang cùng thực hiện một vụ việc, nếu có sự không thống nhất ý kiến giữa các luật sư hoặc tổ chức hành nghề luật sư có thể gây bất lợi cho khách hàng thì luật sư phải thông báo để khách hàng thực hiện quyền lựa chọn luật sư.

Quy tắc 14. Từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc của khách hàng

14.1. Luật sư có **quyền** từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc khi không thuyết phục được khách hàng trong các trường hợp sau đây:

14.1.1 Khách hàng đưa ra yêu cầu mới mà yêu cầu này không thuộc phạm vi hành nghề luật sư hoặc trái đạo đức, trái pháp luật;

14.1.2 Khách hàng không chấp nhận ý kiến tư vấn giải quyết vụ việc đúng pháp luật, phù hợp với đạo đức do luật sư đưa ra, mặc dù luật sư đã cố gắng phân tích thuyết phục;

14.1.3 Khách hàng vi phạm cam kết theo hợp đồng dịch vụ pháp lý mà các bên không thể thỏa thuận được hoặc quan hệ giữa luật sư với khách hàng bị tổn hại không phải do lỗi của luật sư;

14.1.4 Có sự đe dọa hoặc áp lực về vật chất hoặc tinh thần từ khách hàng hoặc người khác buộc luật sư phải làm trái pháp luật và đạo đức nghề nghiệp mà luật sư không thể chối bỏ;

14.1.5 Có căn cứ xác định khách hàng đã lừa dối luật sư.

14.2 Luật sư phải từ chối tiếp tục thực hiện vụ việc trong các trường hợp sau đây:

14.2.1 Khách hàng sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư để thực hiện hành vi trái pháp luật;

14.2.2 Phát hiện vụ việc thuộc trường hợp quy định tại Quy tắc 11.

14.2.3 Các trường hợp phải từ chối do quy định của pháp luật hoặc trường hợp bất khả kháng khác.

Quy tắc 15. Giải quyết khi luật sư đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý

15.1. Khi đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý theo Quy tắc 14 luật sư thông báo bằng văn bản cho khách hàng trong thời hạn hợp lý để khách hàng có điều kiện tìm luật sư khác, đồng thời giải quyết nhanh chóng các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết.

15.2. Khi đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ pháp lý, luật sư có thái độ tôn trọng, xử sự ôn hòa, không dùng lời lẽ có tính chất xúc phạm đối với khách hàng, làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, uy tín của nghề luật sư, danh dự và uy tín của khách hàng.

15.3. Khi có căn cứ từ chối vụ việc đã đảm nhận theo yêu cầu của tổ chức trợ giúp pháp lý, của các cơ quan tiến hành tố tụng, luật sư phải có văn bản thông báo cho tổ chức trợ giúp pháp lý, các cơ quan tiến hành tố tụng và khách hàng biết.

Quy tắc 16. Giải quyết xung đột về lợi ích

16.1. Xung đột về lợi ích trong hành nghề luật sư là sự đối lập về quyền lợi vật chất hay tinh thần đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra giữa hai hay nhiều khách hàng của luật sư; giữa luật sư, nhân viên, người thân thích, các thành viên trong gia đình của luật sư với khách hàng trong cùng một vụ việc hoặc trong những vụ việc khác có liên quan đến vụ việc đó; dẫn đến luật sư bị hạn chế hoặc có khả năng bị hạn chế trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tốt nhất quyền lợi của khách hàng, nghĩa vụ giữ bí mật thông tin của khách hàng do ảnh hưởng từ quyền lợi của luật sư, nghĩa vụ của luật sư đối với khách hàng khác, khách hàng cũ, bên thứ ba.

16.2. Trong quá trình thực hiện vụ việc, nếu phát hiện có xung đột về lợi ích xảy ra ngoài ý muốn của luật sư thì luật sư cần chủ động thông báo ngay với khách hàng để giải quyết.

16.3. Luật sư phải từ chối tiếp nhận hoặc thực hiện vụ việc trong các trường hợp xung đột về lợi ích sau đây:

16.3.1. Vụ việc mà trước đó luật sư đã cung cấp dịch vụ pháp lý cho người có quyền lợi đối lập với khách hàng đang yêu cầu luật sư.

16.3.2. Vụ việc mà luật sư đã tham gia giải quyết với tư cách là hòa giải viên, trọng tài viên hoặc bằng các phương thức giải quyết tranh chấp khác ngoài tòa án hoặc đã giải quyết về nội dung vụ việc khi là cán bộ, công chức Nhà nước.

16.3.3. Vụ việc mà người có quyền lợi đối lập với khách hàng là người thân thích hoặc thành viên trong gia đình theo quy định của pháp luật.

16.3.4. Vụ việc của khách hàng mới có sự đối lập về quyền lợi với khách hàng mà luật sư đảm nhận theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý đang còn hiệu lực thực hiện trong cùng một vụ án hoặc vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

16.3.5. *Vụ việc của khách hàng do người thân thích của luật sư đang cung cấp dịch vụ pháp lý có quyền lợi đối lập với khách hàng của luật sư.*

16.3.6. Luật sư trong một tổ chức hành nghề không đồng thời nhận vụ việc của các khách hàng có quyền lợi đối lập nhau.

Mục 4. Kết thúc vụ việc

Quy tắc 17. Thông báo kết quả thực hiện vụ việc

Khi kết thúc vụ việc, luật sư phải thông báo cho khách hàng về kết quả thực hiện vụ việc và hoàn trả lại ngay số tiền còn thừa, những đồ vật có liên quan đã nhận của khách hàng theo hợp đồng dịch vụ pháp lý.

CHƯƠNG III. ỨNG XỬ TRONG QUAN HỆ VỚI ĐỒNG NGHIỆP

Quy tắc 18. Tình đồng nghiệp của luật sư

18.1. Tình đồng nghiệp là nhu cầu tình cảm, đạo đức của luật sư và truyền thống của dân tộc, cần được thể hiện cụ thể trong quan hệ công việc cũng như trong các sự kiện hiếu, hỉ, ốm đau, hậu sự, tai nạn, rủi ro liên quan đến đồng nghiệp; giữ gìn sự đoàn kết nội bộ, góp phần xây dựng đội ngũ luật sư trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với sự tôn trọng và tin cậy của xã hội.

18.2. *Trong giao tiếp, hành nghề luật sư, luật sư phải tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt tuổi tác và thời gian hành nghề. Việc phê bình đồng*

nghiệp được thực hiện một cách thận trọng, khách quan, đúng nơi, đúng lúc với tinh thần xây dựng.

18.3 Luật sư không để tình đồng nghiệp bị chi phối bởi kết quả thắng - thua trong hành nghề hoặc các quan hệ xã hội khác làm ảnh hưởng đến tình đoàn kết của luật sư.

Quy tắc 19. Tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp

19.1. Luật sư có ý thức ***tôn trọng***, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp trong hành nghề cũng như trong cuộc sống; góp ý kịp thời khi thấy đồng nghiệp làm điều sai trái, ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp luật sư.

19.2. Trường hợp các luật sư có quan điểm khác nhau ***khi*** bảo vệ quyền lợi của khách hàng trong cùng vụ việc, luật sư cần trao đổi để thống nhất quan điểm, tránh xảy ra mâu thuẫn gây ảnh hưởng đến tình đồng nghiệp và quyền lợi của khách hàng.

Quy tắc 20. Cạnh tranh nghề nghiệp

20.1 Luật sư thực hiện các biện pháp cạnh tranh nghề nghiệp lành mạnh theo quy định của Luật Luật sư và pháp luật liên quan, Điều lệ của Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư.

20.2. Khi ***khách hàng yêu cầu cung cấp dịch vụ pháp lý***, nếu biết đã có đồng nghiệp nhận vụ việc này từ trước, luật sư ***không được*** tác động để khách hàng ***chỉ*** chọn lựa mình.

Quy tắc 21. Ứng xử khi có tranh chấp quyền lợi với đồng nghiệp

Trường hợp có tranh chấp quyền lợi với đồng nghiệp, luật sư cần thương lượng, hòa giải để giữ tình đồng nghiệp; chỉ thực hiện việc kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện, tố cáo đồng nghiệp khi không thể thực hiện được việc thương lượng, hoà giải.

Trước khi kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện, tố cáo đồng nghiệp, luật sư cần thông báo cho Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư nơi mình là thành viên và Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư nơi đồng nghiệp là thành viên biết.

Quy tắc 22. Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với đồng nghiệp

22.1. Có lời nói mạt sát hoặc hành vi khác thể hiện việc hạ thấp uy tín của đồng nghiệp; thực hiện hành vi gây áp lực, đe dọa hoặc sử dụng các thủ thuật trái pháp luật và Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư để gây bất lợi đối với đồng nghiệp, giành lợi thế cho mình trong hành nghề.

22.2. ***Nói xấu, bôi nhọ, xúc phạm nhằm hạ uy tín hoặc*** phủ nhận kết quả dịch vụ pháp lý của đồng nghiệp.

22.3. Thông đồng với luật sư của khách hàng có quyền lợi đối lập với khách hàng của mình để cùng mưu cầu lợi ích cá nhân.

22.4. Tiếp xúc, trao đổi riêng với khách hàng đối lập về quyền lợi với khách hàng của mình để giải quyết vụ việc khi biết khách hàng đó có luật sư mà không thông báo cho luật sư đồng nghiệp bảo vệ quyền lợi hoặc đại diện cho khách hàng đó biết.

22.5. Mời giới khách hàng cho đồng nghiệp để đòi tiền hoa hồng.

22.6 Áp dụng các thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh để nhằm mục đích giành giật khách hàng như:

22.6.1. So sánh năng lực nghề nghiệp của mình hoặc tổ chức hành nghề luật sư của mình với các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư khác;

22.6.2. So sánh năng lực nghề nghiệp, phân biệt vùng, miền hoạt động hành nghề của luật sư này với luật sư khác;

22.6.3. Áp đặt hoặc cố tình chi phối làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong hành nghề của đồng nghiệp có quan hệ phụ thuộc với luật sư như quan hệ thầy - trò, cấp trên - cấp dưới, huyết thống, thân thuộc;

22.6.4. Xúi giục khách hàng từ chối đồng nghiệp để nhận vụ việc về cho mình;

22.6.5. Sử dụng các nhân viên của mình hoặc người khác tiếp thị trước trụ sở các cơ quan tiến hành tố tụng, trại tạm giam, cơ quan nhà nước và các tổ chức khác nhằm mục đích mời chào, dụ dỗ, lôi kéo khách hàng.

22.7. Viết bài, phát biểu, sử dụng mạng xã hội, phương tiện truyền thông trong và ngoài nước để nói xấu, công kích, bài xích hoặc gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ giữa các luật sư đồng nghiệp; gây tổn hại đến danh dự, uy tín của luật sư, nghề luật sư, Đoàn Luật sư và Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

22.8. Có hành vi tạo thành phe, nhóm giữa các luật sư để cô lập đồng nghiệp trong quá trình hành nghề.

22.9 Thực hiện việc liên kết, liên danh, thành lập nhóm luật sư hoạt động trái với quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Quy tắc đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư.

Quy tắc 23. Ứng xử của luật sư trong tổ chức hành nghề luật sư

23.1. Luật sư là chủ sở hữu, luật sư thành viên, đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền quản lý tổ chức hành nghề luật sư phải có những biện pháp hợp lý trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình để đảm bảo tổ chức hành nghề luật sư, các thành viên trong tổ chức của mình (bao gồm các luật sư, người tập sự hành nghề luật sư và nhân viên) tuân thủ Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư; chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm

về hành vi vi phạm của tổ chức hành nghề luật sư hoặc cá nhân thành viên trong tổ chức nếu:

23.1.1 Yêu cầu thực hiện hành vi vi phạm hoặc đồng ý với hành vi vi phạm đã xảy ra;

23.1.2 Biết hành vi vi phạm đã xảy ra trong khi có thể tránh được hoặc giảm nhẹ hậu quả nhưng đã không có biện pháp khắc phục.

23.2. Quy tắc 23.1 cũng được áp dụng đối với luật sư được giao phụ trách một vụ việc trong tổ chức hành nghề luật sư liên quan đến hành vi của các thành viên trong cùng tổ chức tham gia vụ việc đó.

Quy tắc 24. Ứng xử của luật sư hành nghề với tư cách cá nhân

24.1. Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân không để bị chi phối bởi các yêu cầu, quy định nội bộ của cơ quan, tổ chức để làm trái pháp luật, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư.

24.2. Trong phạm vi công việc được phân công phụ trách, nếu phát hiện cán bộ, nhân viên của cơ quan, tổ chức chuẩn bị hoặc đang có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định nội bộ của cơ quan, tổ chức có khả năng gây thiệt hại đến lợi ích của cơ quan, tổ chức, thì luật sư cần giải thích và đưa ra ý kiến để người đó từ bỏ ý định hoặc dừng hành vi vi phạm.

Trong trường hợp cần thiết, luật sư cần báo cáo với người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức về hành vi vi phạm.

Quy tắc 25. Quan hệ với người tập sự hành nghề luật sư

25.1. Luật sư hướng dẫn phải tận tâm, đối xử tôn trọng, thân ái với những người tập sự hành nghề luật sư như đối xử với đồng nghiệp của mình.

25.2. Luật sư hướng dẫn không được làm những việc sau đây:

25.2.1 Phân biệt, đối xử với những người tập sự hành nghề luật sư;

25.2.2 Đòi hỏi tiền bạc, lợi ích vật chất từ người tập sự hành nghề luật sư ngoài khoản phí đã đóng theo quy định của Liên đoàn Luật sư Việt Nam;

25.2.3 Lợi dụng tư cách luật sư hướng dẫn để buộc người tập sự hành nghề luật sư phải làm những việc không thuộc phạm vi tập sự nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân của luật sư hướng dẫn.

Quy tắc 26. Quan hệ của luật sư với tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư.

26.1. Luật sư có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ danh dự, uy tín, chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định, quy định, quy chế, nội quy của Liên đoàn Luật sư, Đoàn Luật sư.

26.2. Trong hành nghề, luật sư không được lạm dụng các chức danh khác của mình ngoài danh xưng luật sư để mưu cầu lợi ích trái pháp luật.

CHƯƠNG IV. ỨNG XỬ TRONG QUAN HỆ VỚI CƠ QUAN TIỀN HÀNH TỔ TỤNG

Quy tắc 27. Quy tắc chung khi tham gia tố tụng

27.1. Luật sư phải nghiêm chỉnh chấp hành nội quy và các quy định có liên quan trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng; có thái độ hợp tác, lịch sự, tôn trọng những người tiến hành tố tụng mà luật sư tiếp xúc khi hành nghề.

Luật sư phải có mặt đúng thời gian, địa điểm khi được cơ quan tiến hành tố tụng thông báo để tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật; chủ động, tích cực thực hiện các quyền và nghĩa vụ của luật sư khi tham gia tố tụng.

27.2. Luật sư có thể trao đổi ý kiến về nghiệp vụ với người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và các quy định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Công an và những người hoặc cơ quan có thẩm quyền khác, nếu xét thấy cần thiết và có lợi cho khách hàng nhưng phải giữ tính độc lập, không bị chi phối hoặc lệ thuộc vào ý kiến khác với ý kiến của luật sư làm ảnh hưởng tới việc xây dựng quan điểm, phương án bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng.

Quy tắc 28. Ứng xử tại phiên tòa

28.1. Luật sư phải chấp hành nội quy phiên tòa, nội quy phòng xử án; tôn trọng hội đồng xét xử, đại diện viện kiểm sát, thư ký phiên tòa, luật sư đồng nghiệp và những người tham gia tố tụng khác; tuân theo sự điều khiển của chủ tọa và hội đồng xét xử.

28.2. Có thái độ ứng xử đúng mực, có văn hóa khi tranh tụng tại phiên tòa; có thái độ thiện chí, hợp tác khi giải quyết các tình huống bất ngờ ảnh hưởng đến trật tự hoặc tiến trình giải quyết vụ việc tại phiên tòa; không cố tình trì hoãn, gây trở ngại cho việc xét xử bằng những phương cách bất hợp lý hoặc trái đạo đức.

28.3. Trong luận cứ bào chữa, bảo vệ quyền lợi, luật sư phải tôn trọng sự thật, đưa ra những tài liệu, chứng cứ pháp lý giúp cho việc giải quyết vụ án được khách quan, đúng pháp luật.

28.4. Trước những hành vi sai trái, thái độ thiếu tôn trọng luật sư hay khách hàng của luật sư tại phiên tòa cũng như trong quá trình tố tụng, luật sư luôn giữ bình tĩnh và có quyền kiến nghị, yêu cầu thỏa đáng, hợp lệ, đúng pháp luật.

Quy tắc 29. Những việc luật sư không được làm trong quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng

29.1. Câu kết qua trung gian hoặc trực tiếp quan hệ với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan khác, nhằm mục đích lôi kéo họ vào việc làm trái pháp luật trong giải quyết vụ việc.

29.2. Cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ mà luật sư biết rõ là sai sự thật hoặc được thu thập bất hợp pháp hoặc thực hiện những hành vi khác với mục đích lừa dối cơ quan tiến hành tố tụng.

29.3. Tự mình hoặc giúp khách hàng thực hiện những hành vi bất hợp pháp nhằm trì hoãn hoặc gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc.

29.4. Dùng lời lẽ mang tính chất chỉ trích, xúc phạm cá nhân trong quá trình tham gia tố tụng.

29.5. Phát biểu những điều biết rõ là sai sự thật trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc nơi công cộng về những vấn đề có liên quan đến vụ việc mà mình đảm nhận, nhằm gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

29.6. Lợi dụng tư cách người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật để phát biểu những lời lẽ gây phương hại đến lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, đoàn kết dân tộc, tôn giáo hoặc tuyên truyền, phổ biến những quan điểm trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

29.7. Phản ứng tiêu cực bằng hành vi tự ý bỏ về khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

**CHƯƠNG V. ỨNG XỬ TRONG QUAN HỆ VỚI
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC**

Quy tắc 30. Ứng xử của luật sư trong quan hệ với các cơ quan nhà nước khác

30.1. Khi tiếp xúc, làm việc với các cơ quan nhà nước khác với tư cách đại diện ngoài tố tụng, luật sư tư vấn hoặc thực hiện dịch vụ pháp lý khác cho khách hàng, luật sư phải tuân thủ quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan nhà nước và quy định phù hợp của Chương IV Bộ Quy tắc này.

30.2. Trong quan hệ với cơ quan nhà nước khác, để thực hiện công việc cho khách hàng, luật sư cần có thái độ lịch sự, tôn trọng, kiên quyết từ chối những hành vi móc nối, trung gian trái pháp luật, trái đạo đức và lương tâm nghề nghiệp.

30.3. Luật sư có trách nhiệm giải thích cho khách hàng các quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo, khuyến nghị khách hàng tránh việc khiếu nại, tố cáo trái pháp luật, gây tốn kém thời gian, tiền bạc của Nhà nước, người dân và ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội.

30.4 Luật sư không được sử dụng biện pháp trái pháp luật để kéo dài, gây khó khăn cho việc giải quyết của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với vụ việc mà luật sư đang đại diện, tư vấn hoặc đang thực hiện dịch vụ pháp lý cho khách hàng.

30.5. Nếu không có lý do chính đáng thì luật sư không được từ chối những việc do cơ quan nhà nước đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật.

Quy tắc 31. Ứng xử trong quan hệ với các cơ quan thông tin đại chúng

31.1. Luật sư cần phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền pháp luật, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, các vi phạm pháp luật và các tiêu cực xã hội.

31.2. Luật sư có thái độ tôn trọng và hợp tác với các cơ quan thông tin đại chúng trong việc cung cấp thông tin trung thực, chính xác, khách quan theo yêu cầu của các cơ quan này, nếu những thông tin đó không làm ảnh hưởng tới quy tắc bảo mật theo quy định của pháp luật và quyền lợi hợp pháp của khách hàng.

31.3. Luật sư không được sử dụng cơ quan, phương tiện thông tin đại chúng để cố ý phản ánh sai sự thật nhằm mục đích cá nhân, động cơ khác hoặc tạo dư luận nhằm bảo vệ quyền lợi không hợp pháp của khách hàng hoặc phát ngôn gây ảnh hưởng đến đồng nghiệp, nghề luật sư, an ninh, lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng.

Quy tắc 32. Ứng xử trong quan hệ với các tổ chức, cá nhân khác

Khi tiếp xúc, làm việc với các tổ chức, cá nhân **khác**, luật sư có thái độ tôn trọng, không được có lời nói, việc làm ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đó.

CHƯƠNG VI

CÁC QUY TẮC KHÁC

Quy tắc 33. Quảng cáo

33.1 Luật sư thực hiện quảng cáo theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm khi cam kết trong quảng cáo về chất lượng dịch vụ luật sư.

33.2 Khi quảng cáo về nghề luật sư, hoạt động nghề nghiệp của luật sư, luật sư không được cung cấp những thông tin không có thật hoặc thông tin gây hiểu nhầm.

33.3 Luật sư không được thực hiện việc quảng cáo làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của đội ngũ luật sư, nghề luật sư.

Quy tắc 34. Thực hiện Bộ Quy tắc

34.1 Luật sư thành viên Liên đoàn Luật sư Việt Nam, người tập sự hành nghề luật sư có nghĩa vụ tuân thủ và thực hiện Bộ Quy tắc này.

34.2. Bộ Quy tắc là cơ sở để giám sát, xem xét khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật đối với luật sư trong phạm vi tổ chức xã hội – nghề nghiệp luật sư.

34.3. Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện, Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam giải thích, hướng dẫn chi tiết các quy tắc trong Bộ Quy tắc này./.

TM. HỘI ĐỒNG LUẬT SƯ TOÀN QUỐC

CHỦ TỊCH

Luật sư Đỗ Ngọc Thịnh